

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phong
2. Bà Lê Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vinh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A, B Ct S, USA (*Vắng mặt*).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 3, ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2018, bản tự khai ngày 22/3/2018 và bản tường trình của anh Nguyễn Vinh T trình bày:

Anh T và chị H kết hôn ngày 01/02/2016 thông qua H mối. Anh T và chị H đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 01/02/2016. Sau khi kết hôn, anh T và chị H chung sống với nhau được một thời gian ngắn khoảng 3 tháng tại Việt Nam. Sau đó anh T trở về Mỹ để làm thủ tục bảo lãnh cho chị H qua Mỹ. Tuy nhiên, sau đó anh cho rằng giữa anh chị mâu thuẫn với nhau về cách sống, quan điểm sống, anh cho rằng chị H có người đàn ông khác, nên anh đã hủy hồ sơ bảo lãnh chị H, không tiếp tục chung sống với chị H nữa. Nay anh T cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung, tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có. Anh chị không có nợ ai, cũng không ai nợ lại anh chị.

- Tại đơn xin xem xét, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh T quen biết nhau, sau đó tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2016 như anh T trình bày. Chị H cho rằng vợ chồng chị vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì như anh T trình bày, việc làm thủ tục bảo lãnh đang tiến triển tốt, nhưng không biết vì sao anh T xin ly hôn. Chị cho rằng do mẹ anh T phản đối việc anh T kết hôn với chị, nên từ tháng 10/2017 âm lịch đến nay, tình cảm giữa anh chị rạn nứt, anh T không liên lạc với chị nữa. Do đó, chị cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Vinh T kết hôn với chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2, ngày 01/02/2016 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam; Căn cứ quy định tại Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì vụ án ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết.

[2] Anh Nguyễn Vinh T có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, kể cả khi xét xử. Xét việc vắng mặt của anh T tại phiên tòa phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu của anh T được ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị H tự nguyện kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn, giữa anh T và chị H chỉ chung sống với nhau trong thời gian ngắn khoảng 3 tháng. Sau đó, anh T trở về Mỹ để làm thủ tục bảo lãnh chị H. Trong thời gian chờ làm thủ tục bảo lãnh, anh T cho rằng giữa anh T và chị H bất đồng quan điểm sống, anh T không tin tưởng chị H. Do thời gian sống xa nhau đã lâu, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị H. Chị H thừa nhận từ tháng 10/2017 âm lịch đến nay, anh T và chị không còn liên lạc với nhau nữa. Xét thấy, giữa anh T và chị H không còn liên lạc với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị H cũng thống nhất ly hôn với anh T, nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Vinh T. Công nhận thuận tình ly hôn

giữa anh Nguyen Vinh T đối với chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyen Vinh T tự nguyện chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điểm d Khoản 1 Điều 469, Điểm b Khoản 1 Điều 470, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyen Vinh T.
- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyen Vinh T với chị Nguyễn Thị H.
- Về án phí: Anh Nguyen Vinh T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BG/2015 0000279 ngày 18/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Anh T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh ĐT;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND H.C, tỉnh ĐT;
- Lưu: HSPA, VT (Hg).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Thanh